

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
LĨNH VỰC THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG

*(Kèm theo Quyết định số/2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

1. Nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	80		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	15		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ phép cá Chép $\geq 50\%$	Con/m ²	3	- Cỡ giống: cá rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	$\leq 1,5$	Hàm lượng Protein $\geq 24\%$;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp & PTNT;	
				- Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế			Đảm bảo yêu cầu, chất	

	phẩm sinh học...			lượng theo quy định hiện hành.	
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	

2. Nuôi cá rô phi trong lồng bè

Quy mô: Áp dụng cho 500 m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	120		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	40		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	04		
3	Máy phát điện	Mô hình	02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống:	Con/m ³	100	- Cỡ giống: ≥ 6 cm;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,8	- Hàm lượng Protein ≥ 24%;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
				- Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

(kit test bệnh, môi trường...)	
--------------------------------	--

3. Nuôi cá rô phi thâm canh trong ao/hồ

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	120		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	40		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống:	Con/m ²	7	- Cỡ giống: ≥ 7 g/con;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	$\leq 1,3$	- Hàm lượng Protein $\geq 28\%$;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT;	
				- Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test môi bệnh, trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

4. Nuôi cá rô phi bán thâm canh trong ao/hồ

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	120		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	40		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: $\geq 5g/con$;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	$\leq 1,5$	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT;	
				- Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

5. Nuôi ghép cá rô phi là chính trong ao/hồ

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	120		

		Công/1 vạn cỡ cá giống	40		
--	--	---------------------------	----	--	--

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép $\geq 50\%$	Con/m ²	3	- Cỡ giống: cá rô phi, Chép, Chím trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	$\leq 1,5$	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT;	
				- Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

6. Nuôi cá điêu hồng trong lồng bè

Quy mô: Áp dụng cho 500 m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	120		

		Công/1 vạn cỡ cá giống	40		
--	--	---------------------------	----	--	--

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	04		
3	Máy phát điện	Mô hình	02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống:	Con /m ³	100	- Cỡ giống: ≥ 6 cm;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,8	- Hàm lượng Protein ≥ 24%;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
				- Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

7. Nuôi cá điêu hồng thâm canh trong ao/hồ

Quy mô: Áp dụng cho 01 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	120		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	40		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03		
6	Dụng cụ: Thuyền,	Bộ	02		

	lưới, chài, xô, chậu...				
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống:	Con/m ²	7	- Cỡ giống: ≥ 7 g/con; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,3	- Hàm lượng Protein ≥ 28%; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

8. Nuôi cá điêu hồng bán thâm canh trong ao/hồ

Quy mô: Áp dụng cho 1 ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	120		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	40		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ²	2,5	- Cỡ giống: ≥ 5 g/con;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	- Hàm lượng Protein ≥ 24%;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT;	
				- Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

9. Nuôi ghép cá điêu hồng là chính trong ao/hồ

Quy mô: Áp dụng cho 1ha

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	120		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	40		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá	Con/m ²	3	- Cỡ giống: cá Diêu hồng,	

	Điều hồng $\geq 50\%$			Chép, Chím trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	$\leq 1,5$	- Hàm lượng Protein $\geq 24\%$; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

10. Nuôi cá lồng/bè

Quy mô: Áp dụng cho 500 m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	55		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	90		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú	
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	04			
3	Hệ thống sục khí	Bộ	04			
4	Máy phát điện	Mô hình	02			
5	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu...	Bộ	02			
6	Sử dụng dịch vụ khác: thu cá, vệ sinh lồng, sửa chữa bè....					
7	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m ³	15	cỡ giống 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định	

2	Thức ăn	FCR	$\leq 2,0$	Thức ăn công nghiệp hàm lượng Protein $\geq 30\%$; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...			Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường,...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án		

11. Nuôi cá lăng chấm trong lồng/bè

Quy mô: Áp dụng cho 500 m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	110		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	120		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	04		
3	Máy phát điện	Mô hình	02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Lăng chấm	Con/m ³	10	- Cỡ giống: 300 g/con;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4,5	Đảm bảo chất lượng;	
				- Không pha trộn các các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản;	
				- Được chế biến và bảo quản đúng quy định.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

12. Nuôi cá lăng chấm trong ao/hồ*Quy mô: Áp dụng cho 01 ha***A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	110		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	120		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02		
4	Máy phát điện	Mô hình	02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu...	Bộ	02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Lăng chấm	Con/m ²	0,5	- Cỡ giống: 200-300 gr/con;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn:				
	Thức ăn cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4,5	- Đảm bảo chất lượng;	
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,7	- Hàm lượng Protein 28-35%;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	
			- Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.		
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

13. Nuôi nheo mỹ trong lồng bè*Quy mô: Áp dụng cho 500 m³*

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	55		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	120		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	04		
3	Máy phát điện	Mô hình	02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu...	Bộ	02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Nheo mỹ	Con/m ³	10	- Cỡ giống: ≥ 10 cm;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2	- Hàm lượng Protein $\geq 30\%$;	
				- Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp & PTNT;	
				- Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

14. Nuôi cá chiên trong lồng bè

Quy mô: Áp dụng cho 500 m³

A. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Công lao động phổ thông	Công/100kg cỡ cá bố mẹ	95		
		Công/1 vạn cỡ cá giống	15		

B. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xít nước	Bộ/ mô hình	02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	04		
3	Máy phát điện	Mô hình	02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt...	Bộ	02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/ chấp thuận, phù hợp với quy mô dự án			

C. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: cá Chiến	Con/m ³	20	- Cỡ giống: ≥ 100 g/con;	
				- Cá khỏe mạnh;	
				- Nguồn gốc rõ ràng, có chứng nhận chất lượng theo quy định.	
2	Thức ăn: cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4	- Đảm bảo chất lượng;	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học...	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.			
4	Vật tư thiết yếu khác (kit test bệnh, môi trường...)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án			

15. Nuôi ốc Bươu**A. Định mức lao động**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Công lao động	Công	30		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật (30 công/1000m ² /vụ)

B. Định mức ao

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
-	Diện tích ao nuôi	m ²	≥ 1.000	- Ao có nguồn nước cấp, thoát thuận lợi, không bị ô nhiễm, mực nước 0,8 - 1,0 m, bờ ao chắc chắn, cao hơn mức nước tối thiểu 0,5 m, bờ ao sạch sẽ, có biện pháp ngăn, chặn chuột. - Ao được cải tạo đúng quy trình kỹ thuật (vét bùn, bón vôi, diệt tạp, phơi ao), sau khi lấy nước vào ao tiến hành	

				trồng, thả các loại thực vật thủy sinh như rong đuôi chồn, sen, súng, bèo làm thức ăn tự nhiên và là giá thể bám của ốc.	
--	--	--	--	--	--

C. Định mức giống vật tư

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Con giống	Con/m ²	≤ 70	Ốc giống do các cơ sở uy tín cung cấp, có chất lượng tốt, không có mầm bệnh, vỏ không bị nứt, đập, mòn, màu tươi sáng, không bị rong rêu bám. Quy cỡ giống ≥ 0,2 g/con.	
2	Thức ăn công nghiệp hoặc thức ăn chế biến	FCR	≤ 0,5	FCR (Là lượng thức ăn tiêu tốn/1kg ốc thương phẩm); thức ăn có hàm lượng protein ≥ 25%.	
3	Thức ăn xanh	FCR	≤ 5,0	Thức ăn xanh là các loại rau, củ, quả và bèo tấm (5kg thức ăn xanh/1kg ốc thương phẩm)	
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học		500.000 ^d /1000m ²	Đảm bảo theo quy định hiện hành	

* **Ghi chú:** FCR: hệ số chuyển đổi thức ăn (tiêu tốn thức ăn/1 kg tăng trọng lượng)